

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THÁI LÂM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THÁI LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI LAM SERVICES AND EQUIPMENT LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: THAI LAM SERVICES CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106924379

**3. Ngày thành lập:** 05/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9 Lý Thường Kiệt, tổ 4, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0433515177/ 0988428666

Fax:

Email: [hpekhoi@yahoo.com](mailto:hpekhoi@yahoo.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                       | 2710        |
| 2.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2720        |
| 3.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2731        |
| 4.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2732        |
| 5.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2733        |
| 6.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2740        |
| 7.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2750        |
| 8.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2790        |
| 9.  | Sản xuất máy thông dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất máy cung cấp gas;<br>- Sản xuất máy cán lạng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thủy tinh);<br>- Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung;<br>- Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); | 2819        |
| 10. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2822        |
| 11. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2824        |
| 12. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2825        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2220        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                             | 1629        |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                 | 4752        |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4759        |
| 17. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2829        |
| 18. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3290        |
| 19. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3311        |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3312        |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3314        |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3320        |
| 23. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                             | 4773        |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4789(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ ĐĂNG KHÔI

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 10/12/1978

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111384770

Ngày cấp: 02/10/2007

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Tây*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 9 Lý Thường Kiệt, tổ 4, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 9 Lý Thường Kiệt, tổ 4, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: LÊ ĐĂNG KHÔI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 10/12/1978

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111384770

Ngày cấp: 02/10/2007

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Tây*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Số 9 Lý Thường Kiệt, tổ 4, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số 9 Lý Thường Kiệt, tổ 4, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội